

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỐT NỐT
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 34/2023/DS-ST

Ngày: 23-5-2023

V/v “Tranh chấp đòi nợ từ
hợp đồng mua bán”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỐT NỐT, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Khúc Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Thái Ánh Trinh

2/ Bà Huỳnh Thị Mỹ Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Xa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt,
thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số
81/2023/TLST- DS ngày 13 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 300/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 372/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996

Địa chỉ: số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Là người đại diện hộ kinh doanh H Nguyễn Thị N)

Địa chỉ: số B, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện ủy quyền: anh Trần Duy P, sinh năm 1997 (có mặt)

ĐKTT: 95B/2 ấp T, xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: số 254A/TĐ, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Văn bản ủy quyền ngày 13/01/2023.

- ***Bị đơn:***

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1957 (đề nghị vắng mặt)

2. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1957 (đề nghị vắng mặt)

3. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1982 (có mặt)

4. Chị Lê Thị M, sinh năm 1989 (có mặt)

Cùng địa chỉ: khu vực L, phường T, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện ủy quyền nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Vào năm 2018-2022 ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị V, anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị M có mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn. Các lần giao nhận hàng thì có lần ông B hoặc bà V, anh T hoặc chị M có ký tên nhận hàng và thừa nhận nợ số tiền vật tư nông nghiệp của nguyên đơn trong sổ giao hàng. Ngày 15/12/2020 hai bên kết sổ bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 50.000.000đ, sau đó đến ngày 02/7/2022 trả thêm được 10.000.000đ đến nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 40.000.000đ. Nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên nhưng bị đơn không thực hiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông B, bà V, anh T và chị M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 40.000.000đ, lãi tính theo quy định 0.83%/tháng kể từ 02/7/2022 đến xét xử.

Quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị M thống nhất trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của đại diện nguyên đơn anh chị có mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn nhiều lần, sau nhiều lần trả nợ thì kể từ ngày 02/7/2022 đến nay còn nợ nguyên đơn số tiền 40.000.000đ. Việc mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn chủ yếu về làm vườn phục vụ cho kinh tế chung của gia đình. Cha mẹ là ông B bà V không có liên quan do không có mua chung và từ khi anh lập gia đình đến nay đã ra sống riêng, không sống chung nhà với ông B bà V. Ông B và bà V có ký tên nhận nợ trong các lần mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn còn thiếu lại hay không thì không biết. Chữ ký ông B bà V trong tờ giấy nợ mà nguyên đơn cung cấp anh chị không xác định được có đúng là chữ ký của ông B bà V hay không.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh chị đồng ý có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 40.000.000đ, không đồng ý trả lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B trình bày: việc anh T, chị M mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn ông có biết nhưng không có mua chung. Hiện ông đang sống chung nhà với bà V còn anh T, chị M thì sống riêng nhà. Anh T chị M còn nợ nguyên đơn số tiền 40.000.000đ. Các lần nguyên đơn giao vật tư nông nghiệp cho anh T chị M ông không có ký tên nhận hàng. Anh T chị M mua vật tư nông nghiệp để phục vụ cho việc làm vườn.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông đồng ý cùng anh T chị M có trách nhiệm trả nợ chung, nhưng chỉ trả khi anh T chị M không có khả năng trả cho nguyên đơn. Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

Bị đơn bà Phạm Thị V thống nhất với lời trình bày của ông B. Đề nghị vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng tại các cấp Tòa án và đối chất (nếu có).

Phần các đương sự trình bày tại phiên tòa như sau:

Nguyên đơn: yêu cầu bị đơn ông B, bà V, anh T và chị M có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 40.000.000đ. Không yêu cầu trả nợ lãi.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T: đồng ý cùng chị M có trách nhiệm trả nợ gốc 40.000.000đ. Anh mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn về để phục vụ cho kinh tế gia đình, không có liên quan đến ông B bà V nên không đồng ý việc nguyên đơn yêu cầu ông B bà V có trách nhiệm trả. Khi anh vắng nhà thì ông B, bà V có ký nhận hàng thay cho anh trong sổ giao hàng của nguyên đơn. Anh không sống chung nhà với ông B bà V.

Bị đơn chị Lê Thị M thống nhất lời trình bày của anh T.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Nguyễn Minh T, chị Lê Thị M, ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị V có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 40.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ mua vật tư nông nghiệp. Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật trong vụ án là “tranh chấp đòi nợ từ hợp đồng mua bán” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập các đương sự tham gia hòa giải nhưng không thỏa thuận được. Do đó, phải đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B, bà Phạm Thị V đề nghị vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung: nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T1, chị Lê Thị M, ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc mua vật tư nông nghiệp là 40.000.000đ và nợ lãi tính từ ngày 02/7/2022 với lãi suất 0.83%/tháng. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bị đơn anh T1, chị M, ông B và bà V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 40.000.000đ, không yêu cầu nợ lãi. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn anh T1, chị M thừa nhận có nợ tiền mua vật tư nông nghiệp của nguyên đơn 40.000.000đ và đồng ý trả cho nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bị đơn.

[2.1] Đối với việc yêu cầu ông B bà V cùng có trách nhiệm trong việc trả số tiền nợ mua vật tư nông nghiệp, Hội đồng xét xử nhận thấy: tại phiên tòa anh T1 và chị M thừa nhận lúc nguyên đơn giao hàng thì ông B, bà V có ký nhận hàng trong sổ giao hàng của nguyên đơn, việc ký nhận là nhận thay anh chị khi anh chị vắng nhà, ông B bà V không mua chung, nhưng không chứng cứ gì

chứng minh trong khi nguyên đơn không thừa nhận. Theo biên bản xác minh của Tòa án lập ngày 11/4/2023: trước đây ông B, bà V, anh T1 và chị M sống chung nhà và chủ yếu là làm vườn, cho đến khoảng năm 2020 thì sống riêng và tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2023 mặc dù ông B, bà V không thừa nhận có mua chung, không ký tên nhận hàng, nhận nợ các lần cửa hàng giao nhưng đồng ý cùng anh T1 chị M trả nợ cho nguyên đơn khi anh T1 chị M không khả năng trả cho nguyên đơn. Nghĩ nên ghi nhận sự tự nguyện này của ông B bà V.

Từ các viện dẫn trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Nguyễn Văn B bà Phạm Thị V là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định, anh Nguyễn Minh T chị Lê Thị M phải chịu theo quy định.

[4] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định và quyết định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 5, 6, 26, 35, 39, 147, 227, 228, 262, 264, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 166, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Minh T, chị Lê Thị M, ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị V có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 40.000.000đ (*bốn mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được nhận lại 1.215.000đ (*một triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003754 ngày 03/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B và bà Phạm Thị V được miễn do là người cao tuổi theo quy định.

Bị đơn anh Nguyễn Minh T và chị Lê Thị M phải nộp 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKS quận Thốt Nốt;
- Chi cục THA dân sự quận Thốt Nốt;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Khúc Thị Hồng